

DANH SÁCH KIỂM TRA CUỐI KỲ II - KHỐI 9
NĂM HỌC: 2020-2021
PHÒNG: P.1

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	9001	Trương Thái Hạnh	An	10/05/2006	9A2	
2	9002	Nguyễn Hoàng Khánh	An	11/01/2006	9A7	
3	9003	Đặng Thuý Minh	An	11/02/2006	9A1	
4	9004	Trần Đặng Nhật	An	05/09/2006	9A6	
5	9005	Nguyễn Trần Quý	An	08/09/2006	9A9	
6	9006	Ngô Thành	An	15/10/2005	9A10	
7	9007	Phạm Thiên	An	24/01/2006	9A9	
8	9008	Nguyễn Đào Thúy	An	17/09/2006	9A9	
9	9009	Nguyễn Xuân	An	24/04/2006	9A5	
10	9010	Nguyễn Nhất Bằng	Anh	14/03/2006	9A5	
11	9011	Nguyễn Duy	Anh	24/11/2006	9A4	
12	9012	Võ Bửu Đan	Anh	13/03/2006	9A5	
13	9013	Trương Đình	Anh	12/07/2006	9A10	
14	9014	Lê Hoàng	Anh	06/09/2006	9A5	
15	9015	Huỳnh Huệ	Anh	30/04/2006	9A3	
16	9016	Trương Ngọc Lan	Anh	17/10/2006	9A2	
17	9017	Đặng Mai	Anh	01/04/2006	9A3	
18	9018	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	15/10/2006	9A7	
19	9019	Nguyễn Minh	Anh	10/01/2006	9A7	
20	9020	Nguyễn Lê Ngọc	Anh	05/03/2006	9A7	
21	9021	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	07/09/2005	9A9	
22	9022	Nguyễn Hoàng Nguyên	Anh	08/03/2006	9A9	
23	9023	Hoàng Phương	Anh	18/04/2006	9A10	
24	9024	Võ Hoàng Phương	Anh	06/12/2006	9A1	
25	9025	Phạm Huỳnh Phương	Anh	12/04/2006	9A6	
26	9026	Huỳnh Quốc	Anh	22/10/2006	9A9	
27	9027	Đỗ Phạm Quỳnh	Anh	11/11/2006	9A5	
28	9028	Lê Thư	Anh	16/09/2006	9A4	
29	9029	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	21/12/2006	9A7	
30	9030	Trần Ngọc Trâm	Anh	21/09/2006	9A7	
31	9031	Nguyễn Trâm	Anh	22/01/2006	9A5	
32	9032	Nguyễn Trần Trâm	Anh	25/05/2006	9A2	
33	9033	Quách Tú	Anh	17/06/2006	9A1	
34	9034	Lý Tuệ	Anh	08/06/2006	9A1	
35	9035	Phạm Tường	Anh	19/09/2006	9A1	
36	9036	Trần Văn	Anh	01/08/2006	9A3	
37	9037	Vương Việt	Anh	04/01/2006	9A10	
38	9038	Phạm Bảo	An	05/11/2006	9A3	
39	9039	Phạm Phan Duy	An	25/12/2006	9A7	
40	9040	Lê Nguyễn Mỹ	An	19/03/2006	9A3	
41	9041	Ngô Hữu	Bách	19/10/2006	9A8	
42	9042	Phạm Gia	Bảo	06/11/2006	9A5	
43	9043	Nguyễn Phạm Gia	Bảo	22/04/2006	9A10	

Danh sách này có 43 học sinh

Tân Bình, ngày 19 tháng 4 năm 2021

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Đào Thị Thu Hằng

DANH SÁCH KIỂM TRA CUỐI KỲ II - KHỐI 9
NĂM HỌC: 2020-2021
PHÒNG: P.2

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	9044	Nguyễn Phạm Quốc	Bảo	28/02/2006	9A7	
2	9045	Nguyễn Võ Thiên	Bảo	09/09/2006	9A5	
3	9046	Nguyễn Ngọc	Bích	29/12/2005	9A9	
4	9047	Trịnh Ngọc	Bích	25/02/2006	9A8	
5	9048	Trần Quốc	Bình	22/03/2006	9A3	
6	9049	Nguyễn Hữu Thái	Bình	16/02/2006	9A10	
7	9050	Đỗ Minh	Chánh	20/08/2006	9A10	
8	9051	Nguyễn Hồ Bảo	Châu	07/04/2006	9A10	
9	9052	Lê Huyền Bảo	Châu	02/10/2006	9A9	
10	9053	La Ngọc Bảo	Châu	13/07/2006	9A5	
11	9054	Phan Ngọc Bảo	Châu	07/04/2006	9A7	
12	9055	Trần Ngọc Bảo	Châu	20/03/2006	9A3	
13	9056	Phạm Vũ Ngọc	Châu	10/08/2006	9A2	
14	9057	Phạm Khánh	Chi	28/05/2006	9A5	
15	9058	Nguyễn Vũ Quỳnh	Chi	21/06/2006	9A3	
16	9059	Hồ Hưng	Chí	25/12/2006	9A10	
17	9060	Nguyễn Chí	Công	02/06/2006	9A3	
18	9061	Huỳnh Bách	Diệp	29/08/2006	9A7	
19	9062	Cao Đỗ Ngọc	Diệp	16/09/2006	9A5	
20	9063	Nguyễn Mạc Hòa	Dung	10/07/2006	9A2	
21	9064	Nguyễn Anh	Dũng	12/01/2006	9A4	
22	9065	Nguyễn Bảo	Duy	16/12/2006	9A6	
23	9066	Mai Đức	Duy	14/05/2006	9A7	
24	9067	Nguyễn Khánh	Duy	23/08/2006	9A3	
25	9068	Nguyễn Khánh	Duy	27/08/2006	9A8	
26	9069	Nguyễn Trần Minh	Duy	10/05/2006	9A5	
27	9070	Đặng Hải	Dương	12/11/2006	9A9	
28	9071	Phạm Đình Thùy	Dương	23/01/2006	9A4	
29	9072	Trần Nguyễn Thùy	Dương	06/01/2006	9A2	
30	9073	Nguyễn Phạm Thùy	Dương	02/11/2006	9A9	
31	9074	Lê Ngọc	Đại	18/10/2006	9A1	
32	9075	Nguyễn Hồng	Đan	21/09/2006	9A10	
33	9076	Trần Đình	Đạt	21/03/2006	9A9	
34	9077	Lê Nguyễn Quang	Đạt	29/10/2006	9A1	
35	9078	Tăng Quý	Đạt	25/08/2006	9A2	
36	9079	Nguyễn Viên Vỹ	Đạt	10/01/2006	9A10	
37	9080	Trương Gia	Đĩnh	11/05/2006	9A9	
38	9081	Nguyễn Hoàng Minh	Đức	22/10/2006	9A7	
39	9082	Nguyễn Trí	Đức	28/04/2006	9A2	
40	9083	Phạm Trọng	Đức	17/03/2006	9A5	
41	9084	Nguyễn Trường	Giang	14/12/2006	9A8	
42	9085	Nguyễn Ngọc Khánh	Hà	28/06/2006	9A10	
43	9086	Ngô Vũ Thanh	Hà	30/07/2006	9A10	

Danh sách này có 43 học sinh

Tân Bình, ngày 19 tháng 4 năm 2021

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Đào Thị Thu Hằng

DANH SÁCH KIỂM TRA CUỐI KỲ II - KHỐI 9
NĂM HỌC: 2020-2021
PHÒNG: P.3

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	9087	Nguyễn Thái	Hải	13/04/2006	9A9	
2	9088	Trần Minh	Hạnh	23/07/2006	9A1	
3	9089	Nguyễn Thu	Hằng	21/01/2006	9A4	
4	9090	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	22/07/2006	9A6	
5	9091	Nguyễn Bảo	Hân	14/05/2006	9A1	
6	9092	Nguyễn Dư Cát	Hân	17/10/2006	9A3	
7	9093	Lê Gia	Hân	25/10/2006	9A10	
8	9094	Huỳnh Lê Gia	Hân	12/10/2006	9A1	
9	9095	Trần Gia	Hân	02/01/2006	9A6	
10	9096	Nguyễn Trần Mai	Hiền	22/10/2006	9A1	
11	9097	Nguyễn Như	Hiền	13/04/2006	9A6	
12	9098	Nguyễn Hữu	Hiền	15/01/2006	9A7	
13	9099	Lê Quang	Hiền	31/01/2006	9A8	
14	9100	Lương Minh	Hiếu	08/05/2006	9A9	
15	9101	Nguyễn Trọng	Hiếu	02/11/2006	9A6	
16	9102	Nguyễn Phạm Hiếu	Hòa	27/05/2006	9A2	
17	9103	Bùi Gia Xuân	Hồng	06/10/2006	9A6	
18	9104	Nguyễn Cao	Hùng	23/03/2006	9A10	
19	9105	Trần Nguyễn Phi	Hùng	15/04/2006	9A9	
20	9106	Đỗ Anh	Huy	07/04/2006	9A4	
21	9107	Phạm Đức	Huy	20/12/2006	9A9	
22	9108	Ngô Gia	Huy	07/01/2006	9A10	
23	9109	Phạm Gia	Huy	17/10/2006	9A2	
24	9110	Trần Gia	Huy	22/02/2006	9A6	
25	9111	Đặng Hồ Hải	Huy	04/09/2006	9A9	
26	9112	Nguyễn Phạm Mạnh	Huy	15/08/2006	9A8	
27	9113	Nguyễn Hoàng Nhật	Huy	16/09/2006	9A10	
28	9114	Nguyễn Quốc	Huy	07/09/2006	9A9	
29	9115	Trần Quốc	Huy	18/11/2006	9A10	
30	9116	Phan Thê	Huy	30/03/2006	9A6	
31	9117	Trần Nhật Tuấn	Huy	29/07/2006	9A4	
32	9118	Ngô Minh	Hùng	31/03/2006	9A8	
33	9119	Phạm Tiên	Hùng	07/08/2006	9A7	
34	9120	Nguyễn Hoàng Lan	Hương	10/07/2006	9A3	
35	9121	Huỳnh Mai	Hương	18/07/2006	9A2	
36	9122	Ngô Trần Quỳnh	Hương	31/01/2006	9A6	
37	9123	Trương Công	Hy	01/10/2006	9A8	
38	9124	Nguyễn Quốc	Hy	14/05/2006	9A8	
39	9125	Trương Hoàng	Khải	13/07/2006	9A1	
40	9126	Nguyễn Nam	Khải	01/05/2006	9A3	
41	9127	Phạm Nguyễn An	Khang	04/10/2006	9A3	
42	9128	Nguyễn Cao Bảo	Khang	25/05/2006	9A6	
43	9129	Trần Nguyễn Bảo	Khang	23/02/2006	9A8	

Danh sách này có 43 học sinh

Tân Bình, ngày 19 tháng 4 năm 2021

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Đào Thị Thu Hằng

DANH SÁCH KIỂM TRA CUỐI KỲ II - KHỐI 9
NĂM HỌC: 2020-2021
PHÒNG: P.4

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	9130	Nguyễn Duy	Khang	13/10/2006	9A9	
2	9131	Tào Đình	Khang	27/08/2006	9A6	
3	9132	Trần Dương Gia	Khang	22/06/2006	9A2	
4	9133	Nguyễn Minh	Khang	09/09/2006	9A4	
5	9134	Nguyễn Văn Nguyên	Khang	05/02/2006	9A8	
6	9135	Nguyễn Hữu Phú	Khang	05/05/2006	9A5	
7	9136	Phan Thế	Khang	01/02/2006	9A5	
8	9137	Trần Thị An	Khanh	19/08/2006	9A6	
9	9138	Nguyễn Bảo	Khanh	22/08/2006	9A4	
10	9139	Lê Duy	Khanh	11/01/2006	9A9	
11	9140	Phan Ngọc Lan	Khanh	26/12/2006	9A2	
12	9141	Nguyễn Mai	Khanh	23/02/2006	9A4	
13	9142	Trần Gia	Khánh	09/01/2006	9A7	
14	9143	Vũ Kim	Khánh	26/04/2006	9A8	
15	9144	Đỗ Phú Gia	Khiêm	15/11/2006	9A6	
16	9145	Trần Nguyễn Anh	Khoa	18/03/2006	9A8	
17	9146	Phạm Anh	Khoa	08/08/2006	9A3	
18	9147	Đỗ Trần Anh	Khoa	10/02/2006	9A4	
19	9148	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	26/05/2006	9A8	
20	9149	Tổng Hữu Đăng	Khoa	24/01/2006	9A7	
21	9150	Nguyễn Đăng	Khoa	22/05/2006	9A3	
22	9151	Phạm Đăng	Khoa	05/01/2006	9A8	
23	9152	Lê Quốc Đăng	Khoa	02/12/2006	9A10	
24	9153	Hoàng Thái Đăng	Khoa	04/07/2006	9A10	
25	9154	Trần Đăng	Khoa	12/10/2006	9A10	
26	9155	Nguyễn Minh	Khoa	01/06/2006	9A9	
27	9156	Nguyễn Minh	Khoa	25/01/2006	9A8	
28	9157	Đỗ Phúc	Khoa	21/06/2006	9A8	
29	9158	Lê Đỗ Trọng	Khoa	16/11/2006	9A4	
30	9159	Lê Mỹ Anh	Khôi	14/07/2006	9A5	
31	9160	Lưu Trần Anh	Khôi	11/09/2006	9A2	
32	9161	Trần Lê Đăng	Khôi	22/10/2006	9A8	
33	9162	Trương Đăng	Khôi	23/06/2006	9A6	
34	9163	Phạm Đình	Khôi	21/02/2006	9A4	
35	9164	Lê Tấn Hoàng	Khôi	25/10/2006	9A3	
36	9165	Trần Hoàng	Khôi	02/07/2006	9A3	
37	9166	Dương Huy	Khôi	10/01/2006	9A5	
38	9167	Trần Nguyễn Mạnh	Khôi	03/11/2006	9A3	
39	9168	Cao Minh	Khôi	20/01/2006	9A10	
40	9169	Nguyễn Đức Minh	Khôi	03/08/2006	9A4	
41	9170	Hà Minh	Khôi	17/10/2006	9A4	
42	9171	Võ Lê Minh	Khôi	02/11/2006	9A9	
43	9172	Lê Nguyên	Khôi	16/01/2006	9A5	

Danh sách này có 43 học sinh

Tân Bình, ngày 19 tháng 4 năm 2021

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Đào Thị Thu Hằng

DANH SÁCH KIỂM TRA CUỐI KỲ II - KHỐI 9
NĂM HỌC: 2020-2021
PHÒNG: P.5

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	9173	Nguyễn Võ Nguyên	Khôi	27/10/2005	9A9	
2	9174	Mai Nhật	Khôi	30/08/2006	9A7	
3	9175	Phòng Thành	Khôi	16/03/2006	9A3	
4	9176	Trần Nguyễn Hương	Khuê	11/05/2006	9A3	
5	9177	Lê Ngô Minh	Khuê	07/02/2006	9A1	
6	9178	Nguyễn Minh	Khuê	12/08/2006	9A7	
7	9179	Lý Trung	Kiên	16/07/2006	9A6	
8	9180	Ngô Anh	Kiệt	04/11/2006	9A9	
9	9181	Nguyễn Trần Anh	Kiệt	25/07/2006	9A8	
10	9182	Trương Tấn	Kiệt	13/10/2006	9A2	
11	9183	Trương Nguyễn Tuấn	Kiệt	10/11/2006	9A7	
12	9184	Phan Tuấn	Kiệt	21/12/2005	9A5	
13	9185	Lê Trần Tuấn	Kiệt	16/09/2006	9A1	
14	9186	Ngô Hoàng	Kim	13/01/2006	9A1	
15	9187	Ngô Quốc	Kỳ	08/04/2006	9A2	
16	9188	Trần Nhật	Lam	11/03/2006	9A5	
17	9189	Nguyễn Hoàng	Lan	20/07/2006	9A1	
18	9190	Lê Gia	Linh	18/04/2006	9A2	
19	9191	Đặng Khánh	Linh	10/01/2006	9A6	
20	9192	Bùi Ngọc Khánh	Linh	21/08/2006	9A5	
21	9193	Nguyễn Khánh	Linh	25/04/2006	9A3	
22	9194	Trần Khánh	Linh	04/05/2006	9A6	
23	9195	Võ Thị Mỹ	Linh	07/01/2006	9A1	
24	9196	Lê Phương	Linh	09/02/2006	9A4	
25	9197	Võ Thành	Long	30/10/2006	9A9	
26	9198	Đỗ Tiến	Long	06/12/2006	9A3	
27	9199	Nguyễn Vũ Kim	Lộc	03/12/2006	9A5	
28	9200	Phạm Thanh Phước	Lộc	21/01/2006	9A8	
29	9201	Phạm Thành	Lộc	16/03/2006	9A8	
30	9202	Hà Diên Thiên	Lộc	04/04/2006	9A3	
31	9203	Đinh Tiến	Lộc	19/05/2006	9A10	
32	9204	Đinh Tịnh Phương	Mai	13/10/2006	9A7	
33	9205	Vũ Hoàng Thanh	Mai	22/05/2006	9A8	
34	9206	Hoàng Ngọc Bình	Minh	13/10/2006	9A6	
35	9207	Trương Công	Minh	24/02/2006	9A4	
36	9208	Đặng Tuyết	Minh	13/01/2006	9A3	
37	9209	Kiều Trà	My	23/05/2006	9A4	
38	9210	Hồ Xuân	My	03/07/2006	9A8	
39	9211	Trần Thị Thanh	Mỹ	26/06/2006	9A3	
40	9212	Nguyễn Duy	Nam	25/05/2006	9A6	
41	9213	Nguyễn Hoài	Nam	25/12/2006	9A7	
42	9214	Hà Nhật	Nam	29/12/2006	9A9	
43	9215	Ngô Việt Phương	Nam	22/08/2006	9A1	

Danh sách này có 43 học sinh

Tân Bình, ngày 19 tháng 4 năm 2021

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Đào Thị Thu Hằng

DANH SÁCH KIỂM TRA CUỐI KỲ II - KHỐI 9
NĂM HỌC: 2020-2021
PHÒNG: P.6

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	9216	Mai Hà Quý	Nam	17/02/2006	9A5	
2	9217	Đặng Kim	Ngân	29/03/2006	9A8	
3	9218	Trịnh Bảo	Nghi	03/05/2006	9A5	
4	9219	Hoàng Gia	Nghi	03/07/2006	9A4	
5	9220	Bùi Minh	Nghi	25/07/2006	9A4	
6	9221	Thái Trung	Nghi	26/06/2006	9A10	
7	9222	Đặng Xuân	Nghi	09/01/2006	9A8	
8	9223	Trần Tuấn	Nghĩa	09/09/2006	9A9	
9	9224	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	14/10/2006	9A6	
10	9225	Lê Bảo	Ngọc	31/01/2006	9A7	
11	9226	Trần Bảo	Ngọc	01/06/2006	9A2	
12	9227	Trần Bảo	Ngọc	23/07/2006	9A1	
13	9228	Trịnh Bảo	Ngọc	17/11/2006	9A5	
14	9229	Nguyễn Mai Gia	Ngọc	16/03/2006	9A3	
15	9230	Trần Lê Hồng	Ngọc	06/10/2006	9A6	
16	9231	Dương Phạm Khánh	Ngọc	30/08/2006	9A1	
17	9232	Nguyễn Thanh	Ngọc	30/11/2006	9A6	
18	9233	Đinh Trần Yến	Ngọc	28/11/2006	9A10	
19	9234	Trần Hoàng	Nguyên	18/01/2006	9A8	
20	9235	Đặng Khôi	Nguyên	10/06/2006	9A7	
21	9236	Nguyễn Khôi	Nguyên	09/02/2006	9A2	
22	9237	Võ Minh	Nguyên	06/09/2006	9A6	
23	9238	Phan Sỹ	Nguyên	07/09/2006	9A4	
24	9239	Nguyễn Ngô Thiện	Nhân	17/04/2006	9A2	
25	9240	Nguyễn Ngọc Minh	Nhật	07/08/2006	9A8	
26	9241	Lương Quang Minh	Nhật	28/05/2006	9A3	
27	9242	Hoàng	Nhi	26/11/2006	9A10	
28	9243	Ngô Huyền	Nhi	15/04/2006	9A1	
29	9244	Lê Phương	Nhi	03/11/2006	9A4	
30	9245	Đào Ngọc Quỳnh	Nhi	11/01/2006	9A3	
31	9246	Nguyễn Phạm Thảo	Nhi	07/05/2006	9A7	
32	9247	Trần Ngọc Tuyết	Nhi	24/07/2006	9A6	
33	9248	Mai Yến	Nhi	01/03/2006	9A3	
34	9249	Nguyễn Thị Yến	Nhi	03/09/2006	9A9	
35	9250	Nguyễn Thụy Yến	Nhi	15/03/2006	9A8	
36	9251	Huỳnh An	Nhiên	02/10/2006	9A5	
37	9252	Vũ Quỳnh Thùy	Nhiên	07/06/2006	9A4	
38	9253	Nguyễn Bảo	Như	25/12/2006	9A4	
39	9254	Bành Bảo Khánh	Như	16/06/2006	9A6	
40	9255	Võ Lê Ngọc	Như	12/07/2006	9A10	
41	9256	Nguyễn Bảo Quỳnh	Như	17/02/2006	9A5	
42	9257	Nguyễn Quỳnh	Như	29/07/2006	9A8	
43	9258	Nguyễn Trịnh Quỳnh	Như	08/12/2006	9A7	

Danh sách này có 43 học sinh

Tân Bình, ngày 19 tháng 4 năm 2021

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Đào Thị Thu Hằng

DANH SÁCH KIỂM TRA CUỐI KỲ II - KHỐI 9
NĂM HỌC: 2020-2021
PHÒNG: P.7

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	9259	Nguyễn Ngọc Văn	Như	06/06/2006	9A8	
2	9260	Trần Ngọc Yến	Như	08/10/2006	9A7	
3	9261	Nguyễn Lan	Ninh	01/02/2006	9A6	
4	9262	Nguyễn Hoàng	Phát	14/05/2006	9A9	
5	9263	Dương Vương Hữu	Phát	25/11/2006	9A10	
6	9264	Nguyễn Thành	Phát	04/01/2006	9A8	
7	9265	Nguyễn Triệu	Phong	25/11/2006	9A10	
8	9266	Mạc Tấn	Phông	16/07/2006	9A9	
9	9267	Phạm Quang	Phú	28/09/2006	9A7	
10	9268	Lê Đăng	Phúc	03/12/2006	9A5	
11	9269	Nguyễn Lưu Hoàng	Phúc	26/03/2006	9A3	
12	9270	Trần Hoàng	Phúc	08/12/2006	9A8	
13	9271	Nguyễn Hồng	Phúc	24/02/2006	9A5	
14	9272	Võ Hồng	Phúc	17/04/2006	9A4	
15	9273	Phan Hữu	Phúc	04/11/2006	9A7	
16	9274	Nguyễn Di Minh	Phúc	27/09/2006	9A1	
17	9275	Nguyễn Ngọc Minh	Phúc	12/01/2006	9A8	
18	9276	Đoàn Như	Phúc	25/08/2006	9A3	
19	9277	Nguyễn Tấn	Phúc	05/11/2006	9A1	
20	9278	Vũ Đức Thiên	Phúc	05/10/2006	9A3	
21	9279	Nguyễn Thiên	Phúc	15/06/2006	9A4	
22	9280	Phạm Thiên	Phúc	17/06/2006	9A7	
23	9281	Hoàng Phạm Xuân	Phúc	05/05/2006	9A10	
24	9282	Đặng Gia	Phước	14/08/2006	9A9	
25	9283	Đặng Nam	Phước	24/10/2006	9A4	
26	9284	Chu Văn	Phước	13/12/2006	9A3	
27	9285	Nguyễn Bích	Phương	06/06/2006	9A2	
28	9286	Trần Chân	Phương	17/01/2006	9A5	
29	9287	Lưu Khả	Phương	10/07/2006	9A7	
30	9288	Đoàn Viết Mạnh	Phương	05/02/2006	9A6	
31	9289	Nguyễn Minh	Phương	10/11/2006	9A5	
32	9290	Nguyễn Phạm Minh	Phương	14/04/2006	9A7	
33	9291	Phạm Mai Nam	Phương	01/06/2006	9A1	
34	9292	Lê Như	Phương	07/12/2006	9A6	
35	9293	Nguyễn Hà Trúc	Phương	16/01/2006	9A3	
36	9294	Nguyễn Hoàng Uyên	Phương	29/07/2006	9A3	
37	9295	Trần Uyên	Phương	06/02/2006	9A4	
38	9296	Đỗ Yến	Phương	08/05/2006	9A9	
39	9297	Phạm Minh	Quang	30/08/2006	9A5	
40	9298	Lê Anh	Quân	28/01/2006	9A7	
41	9299	Nguyễn Anh	Quân	11/12/2006	9A2	
42	9300	Phạm Trần Anh	Quân	24/01/2006	9A3	
43	9301	Phan Xuân Hiếu	Quân	03/07/2006	9A7	

Danh sách này có 43 học sinh

Tân Bình, ngày 19 tháng 4 năm 2021

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Đào Thị Thu Hằng

DANH SÁCH KIỂM TRA CUỐI KỲ II - KHỐI 9
NĂM HỌC: 2020-2021
PHÒNG: P.8

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	9302	Phạm Viết Lê	Quân	22/04/2006	9A5	
2	9303	Hồ Minh	Quân	18/12/2006	9A7	
3	9304	Lê Minh	Quân	28/11/2006	9A4	
4	9305	Trần Minh	Quân	14/09/2006	9A5	
5	9306	Trần Vũ Minh	Quân	12/04/2006	9A6	
6	9307	Đoàn Công	Quý	27/03/2006	9A8	
7	9308	Phạm Phú	Quý	12/01/2006	9A2	
8	9309	Nguyễn Thế Hồng	Quy	26/03/2006	9A4	
9	9310	Dương Sĩ	Quy	23/03/2006	9A4	
10	9311	Nguyễn Phan Thảo	Quyên	30/12/2006	9A3	
11	9312	Phù Ngọc Diễm	Quỳnh	17/08/2006	9A2	
12	9313	Nguyễn Thái Diễm	Quỳnh	16/02/2006	9A3	
13	9314	Hồ Lâm Gia	Quỳnh	13/02/2006	9A7	
14	9315	Phan Ngọc	Quỳnh	09/03/2006	9A3	
15	9316	Nguyễn Trần Như	Quỳnh	21/06/2006	9A9	
16	9317	Bùi Ngọc Thảo	Quỳnh	05/08/2006	9A1	
17	9318	Lê	Ruby	29/08/2006	9A9	
18	9319	Nguyễn Tấn	Sang	24/01/2006	9A4	
19	9320	Đặng Ngô Thanh	Sang	17/05/2006	9A5	
20	9321	Phan Thanh	Sang	16/11/2006	9A6	
21	9322	Đinh Võ Hùng	Son	25/01/2006	9A8	
22	9323	Huỳnh Đỗ Tấn	Tài	20/08/2006	9A9	
23	9324	Phạm Thành	Tài	16/03/2006	9A8	
24	9325	Huỳnh Thế	Tài	04/11/2006	9A6	
25	9326	Lương Việt	Tài	13/08/2006	9A2	
26	9327	Nguyễn Võ Duy	Tân	08/10/2006	9A6	
27	9328	Nguyễn Phúc Thiên	Tân	12/09/2006	9A9	
28	9329	Lương Duy	Tấn	21/05/2006	9A9	
29	9330	Huỳnh Trung	Tấn	01/03/2006	9A9	
30	9331	Phạm Đức	Thanh	24/12/2006	9A4	
31	9332	Hồ Phương	Thanh	28/01/2006	9A2	
32	9333	Nguyễn Thiên	Thanh	01/04/2006	9A1	
33	9334	Lê Trần Đức	Thành	30/07/2006	9A2	
34	9335	Nguyễn Huy	Thành	07/04/2006	9A3	
35	9336	Võ Đỗ Như	Thành	09/09/2006	9A8	
36	9337	Đinh Trung	Thành	06/06/2006	9A10	
37	9338	Lương Vũ	Thành	06/06/2006	9A10	
38	9339	Nguyễn Diệu	Thảo	15/02/2006	9A4	
39	9340	Nguyễn Như	Thảo	20/02/2006	9A5	
40	9341	Lê Huỳnh Phương	Thảo	29/06/2006	9A2	
41	9342	Đặng Thanh	Thảo	08/01/2006	9A10	
42	9343	Trần Việt	Thăng	29/09/2006	9A1	
43	9344	Trần Lương Hải	Thiện	17/05/2006	9A2	

Danh sách này có 43 học sinh

Tân Bình, ngày 19 tháng 4 năm 2021

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Đào Thị Thu Hằng

DANH SÁCH KIỂM TRA CUỐI KỲ II - KHỐI 9
NĂM HỌC: 2020-2021
PHÒNG: P.9

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	9345	Phan Trần Minh	Thiện	14/12/2006	9A7	
2	9346	Nguyễn Nhất	Thiện	16/06/2006	9A1	
3	9347	Lương Hữu	Thịnh	17/05/2006	9A5	
4	9348	Mai Phước	Thịnh	15/04/2006	9A10	
5	9349	Bùi Minh	Thông	03/07/2006	9A6	
6	9350	Ngô Hồng Anh	Thư	01/01/2006	9A4	
7	9351	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	02/11/2006	9A10	
8	9352	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	15/10/2006	9A9	
9	9353	Trần Nguyễn Anh	Thư	20/10/2006	9A5	
10	9354	Hoàng Kim	Thư	29/04/2006	9A10	
11	9355	Nguyễn Ngọc Kim	Thư	19/08/2006	9A10	
12	9356	Hoàng Minh	Thư	24/02/2006	9A10	
13	9357	Nguyễn Minh	Thư	11/11/2006	9A4	
14	9358	Trương Nguyễn Minh	Thư	15/09/2006	9A10	
15	9359	Phạm Minh	Thư	07/06/2006	9A8	
16	9360	Sái Minh	Thư	14/04/2006	9A10	
17	9361	Nguyễn Thị Minh	Thư	30/09/2006	9A5	
18	9362	Nguyễn Thị Minh	Thư	25/05/2006	9A10	
19	9363	Nguyễn Trần Minh	Thư	21/06/2006	9A2	
20	9364	Trương Thanh	Thư	20/09/2006	9A9	
21	9365	Lương Nhã	Thy	26/08/2006	9A6	
22	9366	Trần Đăng Yên	Thy	15/04/2006	9A4	
23	9367	Nguyễn Hoàng Thùy	Tiên	17/02/2006	9A7	
24	9368	Phan Đức	Tiến	10/11/2006	9A8	
25	9369	Đỗ Bá Cao Bảo	Toàn	30/11/2006	9A7	
26	9370	Huỳnh Phạm Quốc	Toàn	13/06/2006	9A8	
27	9371	Trần Bảo	Trâm	04/03/2006	9A7	
28	9372	Trần Nguyễn Ngọc	Trâm	26/11/2006	9A8	
29	9373	Nguyễn Thùy	Trâm	22/01/2006	9A4	
30	9374	Nguyễn Hoàng Bảo	Trân	10/07/2006	9A9	
31	9375	Lê Bảo	Trân	16/10/2006	9A7	
32	9376	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	29/04/2006	9A3	
33	9377	Phạm Nguyễn Bảo	Trân	12/08/2006	9A8	
34	9378	Vũ Lý Khánh	Trân	02/01/2006	9A5	
35	9379	Wong Ngọc	Trân	16/10/2006	9A4	
36	9380	Phạm Lưu Quế	Trân	10/12/2006	9A4	
37	9381	Nguyễn Yên	Trân	25/07/2006	9A6	
38	9382	Nguyễn Đức	Trí	25/06/2006	9A1	
39	9383	Nguyễn Lâm Minh	Trí	19/11/2006	9A1	
40	9384	Phạm Minh	Trí	11/08/2006	9A4	
41	9385	Tạ Minh	Trí	10/11/2006	9A9	
42	9386	Nguyễn Gia	Triết	29/11/2006	9A10	
43	9387	Mai Nguyễn Minh	Triết	22/04/2006	9A3	

Danh sách này có 43 học sinh

Tân Bình, ngày 19 tháng 4 năm 2021

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Đào Thị Thu Hằng

DANH SÁCH KIỂM TRA CUỐI KỲ II - KHỐI 9
NĂM HỌC: 2020-2021
PHÒNG: P.10

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	9388	Nguyễn	Triều	01/06/2006	9A3	
2	9389	Đặng Đông	Trúc	30/08/2006	9A9	
3	9390	Trịnh Ngọc Phương	Trúc	28/04/2006	9A8	
4	9391	Phạm Cao Thanh	Trúc	02/03/2006	9A4	
5	9392	Nguyễn Đức	Trung	10/08/2006	9A10	
6	9393	Trương Khải	Trung	03/03/2006	9A8	
7	9394	Lê Quang	Trường	12/04/2006	9A6	
8	9395	Nguyễn Xuân	Trường	15/10/2006	9A6	
9	9396	Nguyễn Hoàng Ngọc	Tú	05/03/2006	9A9	
10	9397	Lương Anh	Tuấn	18/10/2006	9A10	
11	9398	Nguyễn Hữu Minh	Tuấn	27/04/2006	9A3	
12	9399	Nguyễn Thiện	Tuấn	08/04/2006	9A10	
13	9400	Trương Công Bảo	Tuệ	28/03/2006	9A1	
14	9401	Nguyễn Thị Minh	Tuệ	10/12/2006	9A7	
15	9402	Vũ Xuân	Tuyền	19/12/2006	9A8	
16	9403	Bùi Khải	Tường	10/06/2006	9A7	
17	9404	Ngô Thụy Mai	Uyên	17/05/2006	9A4	
18	9405	Huỳnh Phương	Uyên	18/04/2006	9A8	
19	9406	Phan Ngọc Phương	Uyên	19/05/2006	9A2	
20	9407	Tô Ngọc Tú	Uyên	09/10/2006	9A1	
21	9408	Nguyễn Ngọc Thùy	Vân	23/10/2006	9A6	
22	9409	Đậu Trần Quốc	Việt	29/05/2006	9A8	
23	9410	Lưu Văn Quốc	Việt	03/05/2006	9A9	
24	9411	Vũ Quốc	Việt	28/02/2006	9A4	
25	9412	Nguyễn Hoàng	Vinh	15/03/2006	9A5	
26	9413	Phạm Quang	Vinh	29/04/2006	9A3	
27	9414	Huỳnh Thành	Vinh	09/10/2006	9A10	
28	9415	Vũ Thiên	Vũ	09/01/2006	9A10	
29	9416	Nguyễn Minh	Vương	11/02/2006	9A6	
30	9417	Đoàn Ngọc Khánh	Vy	27/10/2006	9A7	
31	9418	Trần Khánh	Vy	02/11/2006	9A9	
32	9419	Trương Nhã	Vy	21/04/2006	9A7	
33	9420	Nguyễn Hồng Thảo	Vy	23/08/2006	9A5	
34	9421	Thân Ngọc Thùy	Vy	21/11/2006	9A5	
35	9422	Lưu Nguyễn Trúc	Vy	20/04/2006	9A4	
36	9423	Trần Thụy Uyên	Vy	29/09/2006	9A6	
37	9424	Đoàn Chí	Vỹ	28/03/2006	9A5	
38	9425	Lê Trần Thanh	Xuân	06/05/2006	9A6	
39	9426	Hà	Xuyên	16/10/2006	9A5	
40	9427	Hà Hải	Yến	16/02/2006	9A4	
41	9428	Nguyễn Ngọc Hải	Yến	04/06/2006	9A9	
42	9429	Trà Ngọc Kim	Yến	08/03/2006	9A8	
43	9430	Hứa Phụng	Yến	28/12/2006	9A6	

Danh sách này có 43 học sinh

Tân Bình, ngày 19 tháng 4 năm 2021

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Đào Thị Thu Hằng